

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1941/QĐ-UBND
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Khánh Hòa, ngày 06 tháng 6 năm 2016

ĐIỀU QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NLS & TS

VĂN BẢN ĐỀN
Số: 1293D/2016
Ngày 14 tháng 7 năm 2016

Ban hành Kế hoạch triển khai Năm cao điểm thanh tra, kiểm tra
vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

CV Số: 3756
ĐỀN Ngày: 15/7/16

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ kế hoạch số 1527/KH-BNN-TTr ngày 01/3/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc triển khai Năm cao điểm thanh tra, kiểm tra vật tư nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định 629/QĐ-BNN-QLCL ngày 02/3/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Ban hành kế hoạch hành động Năm cao điểm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1331/TTr-SNN ngày 28/6/2016 về việc xây dựng Kế hoạch hành động Năm cao điểm thanh tra, kiểm tra vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa,

QUYẾT ĐỊNH:

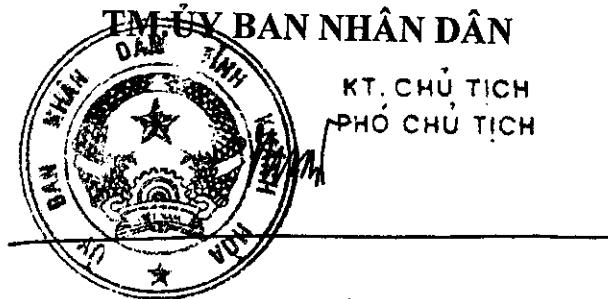
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Năm cao điểm thanh tra, kiểm tra vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công thương, Y tế, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh Khánh Hòa; Chủ tịch các Hội: Nông dân, Liên hiệp phụ nữ; Bí thư tỉnh Đoàn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (B/C);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh (B/C);
- Các Phòng: VX, NC, TH;
- Lưu: VT, HP, HB. 34
NN02(QĐINH-KH-NAMCDIEM)



Đào Công Thiện

Khánh Hòa, ngày 06 tháng 7 năm 2016

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

**Năm cao điểm thanh tra, kiểm tra vật tư
nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2016
của Uỷ ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

I. MỤC TIÊU

Tiếp tục ngăn chặn có hiệu quả, xử lý dứt điểm sử dụng chất cấm và lạm dụng kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; giảm thiểu số vụ vi phạm về tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, kháng sinh, chất bảo quản, phụ gia trong các sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tạo niềm tin cho người tiêu dùng thực phẩm nông lâm thủy sản.

II. KẾT QUẢ VÀ CHỈ SỐ CẦN ĐẠT

1. Ngăn chặn, xử lý dứt điểm việc lưu thông, buôn bán, sử dụng chất cấm, lạm dụng kháng sinh, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất xử lý cải tạo môi trường, chất bảo quản, phụ gia ngoài danh mục, kém chất lượng, không an toàn trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, bảo quản, chế biến các sản phẩm trong ngành nông nghiệp.

2. Chấn chỉnh việc giết mổ, vận chuyển, bán buôn, bán lẻ thịt nhằm giảm thiểu ô nhiễm vi sinh vật có hại.

3. Đến cuối năm 2016, tỷ lệ mẫu giám sát tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, chất bảo quản trong rau, quả, chè; tồn dư hóa chất, kháng sinh, chất bảo quản, phụ gia trong các loại sản phẩm thịt, thủy sản nuôi; ô nhiễm vi sinh trong thịt giảm 10% so với năm 2015.

4. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản được kiểm tra đạt yêu cầu về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm tăng 10% so với năm 2015.

5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản xếp loại C (không đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm) được nâng hạng A/B tăng 10% so với năm 2015.

6. Các huyện, thị xã, thành phố phát triển, nhân rộng chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn và tổ chức kiểm tra, giám sát, cấp giấy xác nhận bán sản phẩm an toàn và công khai tại nơi bày bán cho người tiêu dùng.

7. Nhận thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh về an toàn thực phẩm tạo niềm tin của người tiêu dùng đối với sản phẩm an toàn có xác nhận được nâng cao.

8. Cơ chế phối hợp giữa các ngành, các cấp trong tỉnh về công tác quản lý an toàn thực phẩm được tăng cường và có hiệu quả.

III. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Rà soát, điều chỉnh phân cấp, phân công kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản giữa các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Rà soát, đề xuất bổ sung cơ chế chính sách tạo động lực khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn.

- Triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, quản lý chuỗi nông sản chủ lực của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

2. Thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn

- Tuyên truyền về tác hại đối với sức khỏe người tiêu dùng và thiệt hại kinh tế đối với nhà sản xuất, kinh doanh khi sử dụng chất cấm hoặc lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, kháng sinh trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thuỷ sản; hướng dẫn cho các cơ sở sản xuất áp dụng thực hành sản xuất tốt (GAP, GMP) đặc biệt không sử dụng chất cấm, chất bảo quản, phụ gia, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y ngoài danh mục; tuân thủ 04 đúng về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; phổ biến người tiêu dùng hiểu biết và ủng hộ sản phẩm an toàn có xác nhận.

- Tuyên truyền, phổ biến cho người sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản biết về các mức xử phạt hành chính thậm chí truy tố hình sự đối với các hành vi vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong Bộ Luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Nghị định 178/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

- Cập nhật công khai kết quả phân loại A, B, C các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản trong phạm vi cả nước; thông tin về các chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn, về địa chỉ nơi bày bán sản phẩm nông lâm thủy sản được kiểm soát an toàn thực phẩm theo chuỗi và xác nhận an toàn.

- Thông tin kịp thời, đầy đủ kết quả điều tra, truy xuất và xử lý các vụ việc vi phạm được phát hiện về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

- Thông tin đầy đủ, kịp thời về hiện trạng an toàn thực phẩm đối với từng loại thực phẩm nông lâm thủy sản và hướng dẫn, khuyến nghị cách ứng xử phù hợp cho người tiêu dùng. Thông tin, quảng bá về các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm an toàn, giới thiệu cho người dân địa chỉ nơi bán sản phẩm an toàn có xác nhận.

3. Giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm

- Tổ chức lấy mẫu giám sát, cảnh báo và điều tra, truy xuất, xử lý tận gốc đối với sản phẩm, cơ sở sản xuất kinh doanh vi phạm các qui định về an toàn thực phẩm.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng của các Sở, ban, ngành, các địa phương và các tổ chức đoàn thể phát hiện, điều tra, triệt phá dứt điểm các

đường dây nhập lậu, tàng trữ, lưu thông, buôn bán chất cấm, hóa chất, kháng sinh, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục không được phép sử dụng trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

- Tổ chức kiểm tra, phân loại 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và nông lâm thủy sản trên địa bàn quản lý; tái kiểm tra 100% cơ sở loại C và xử lý dứt điểm cơ sở tái kiểm tra vẫn loại C theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT; tổ chức triển khai Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.

- Tăng cường thanh tra chuyên ngành, đột xuất các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và thực phẩm nông, lâm, thủy sản nhằm kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm về chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

4. Hỗ trợ kết nối sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn

- Tổ chức các Hội nghị về xúc tiến thương mại, kết nối sản xuất với tiêu thụ sản phẩm an toàn và quảng bá sản phẩm an toàn. Thiết lập liên kết giữa các kênh phân phối với các cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản đã được chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến khác (VietGAP, GMP, HACCP);

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các địa điểm kinh doanh bày bán nông thủy sản thực phẩm an toàn đã được chứng nhận VietGAP hoặc được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT hoặc cam kết sản xuất thực phẩm an toàn theo Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT (đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ).

- Tiếp tục triển khai nhân rộng, phát triển các mô hình chuỗi cung cấp thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn toàn tỉnh kết hợp với kiểm tra, lấy mẫu giám sát, xác nhận sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng.

5. Tổ chức lực lượng, nâng cao năng lực

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý và thanh tra chuyên ngành chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản theo Thông tư liên tịch 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV và Thông tư 15/2015/TT-BNNPTNT về tổ chức bộ máy ngành nông nghiệp ở địa phương

- Tổ chức đào tạo nâng cao cho cán bộ tham gia quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, đặc biệt là cán bộ các cơ quan quản lý cấp huyện, xã về nghiệp vụ, kỹ năng trong tuyên truyền phổ biến pháp luật; trong giám sát, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, xử phạt vi phạm qui định đảm bảo chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

- Đầu tư, bổ sung trang thiết bị cho hoạt động kiểm tra, giám sát, đặc biệt trang thiết bị kiểm tra nhanh tại hiện trường.

IV. CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Công tác tập huấn, tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Số lớp
1	Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm cho người chăn nuôi, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	14
2	Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong sản xuất, kinh doanh cho các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	6
3	Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất rau, củ quả	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	10
4	Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	10
Tổng				40

2. Công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

a) Công tác kiểm tra:

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Số cơ sở
1	Kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm các tổ chức, cá nhân chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm; các cơ sở kinh doanh, buôn bán thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	106

2	Kiểm tra các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản; các cơ sở kinh doanh, buôn bán thuốc thú y, thức ăn, chất cải tạo, xử lý môi trường.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	71
3	Kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm các tổ chức, cá nhân sản xuất rau; các cơ sở kinh doanh, buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	20
4	Kiểm tra điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	143
Tổng				340

b) Công tác thanh tra vật tư nông nghiệp:

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Số lượng
01	Kiểm tra, thanh tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản, thực phẩm	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	100 cơ sở
02	Kiểm soát chất lượng vật tư nông nghiệp: thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	43 mẫu
03	Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	34 mẫu
04	Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm trong rau, củ, quả	Sở Nông nghiệp và	UBND các huyện, thị xã,	20 mẫu

		PTNT	thành phố	
05	Mua dụng cụ phục vụ công tác lấy mẫu	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính	

c) Công tác lấy mẫu, giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm

TT	Lĩnh vực	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Số lượng mẫu
1	Lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu vi sinh; dư lượng thuốc tăng trọng trong thức ăn chăn nuôi; thịt gia súc, gia cầm.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	12
2	Lấy mẫu kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên rau, củ quả tại các vùng sản xuất rau, các chợ đầu mối, các siêu thị để giám sát	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	80
3	Lấy mẫu sản phẩm nông lâm thủy sản tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh để kiểm tra các chỉ tiêu về vệ sinh an toàn thực phẩm	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	49
Tổng:				141

3. Hỗ trợ các địa điểm kinh doanh bày bán nông thủy sản thực phẩm an toàn

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Số lượng
1	Lấy mẫu giám sát	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	23 địa điểm
2	In ấn tem xác nhận sản phẩm an toàn	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	23.000 cái

4. Tổ chức lực lượng, nâng cao năng lực

a) Đào tạo nâng cao năng lực

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Số lượng
1	Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương trong việc kiểm tra, đánh giá, phân loại cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản theo các Thông tư: số 45/2014/TT-BNNPTNT và số 51/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND huyện, thị xã, thành phố	8 lớp

b) Đầu tư trang thiết bị cho hoạt động kiểm tra, giám sát

TT	Nội dung	Số lượng
1	Kiểm tra nhanh Clenbuterol	2 hộp
2	Kiểm tra nhanh Salbutamol	2 hộp
3	Kiểm tra nhanh hàn the trong thực phẩm	5 hộp
4	Kiểm tra nhanh Ure trong thực phẩm	5 hộp
5	Phát hiện nhanh 4 nhóm dư lượng thuốc BVTV	7 hộp
6	Hóa chất phục vụ kiểm nghiệm	10 hộp
7	Tủ bảo quản mẫu	1 cái

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí (dự kiến) thực hiện là **780.520.000** đồng, trong đó:

- Kinh phí đào tạo, tập huấn: **232.790.000** đồng
- Kinh phí kiểm tra, thanh tra và giám sát: **346.060.000** đồng
- Kinh phí hỗ trợ các cơ sở bày bán sản phẩm an toàn: **110.170.000** đồng
- Kinh phí đầu tư trang thiết bị: **91.500.000** đồng

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các cơ quan:

1.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- a) Tham mưu, trình UBND phát động và tổng kết Kế hoạch năm cao điểm; phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai các nội dung được phân công đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả.
- b) Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công triển khai thực hiện và định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện đúng thời gian quy định.
- c) Cụ thể hóa các nhiệm vụ trong Kế hoạch này và kinh phí thực hiện, chuyển cho Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt bổ sung vào kế hoạch kinh phí hàng năm cho các đơn vị liên quan thực hiện.

1.2. Sở Công thương

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, thiết lập liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm an toàn và quảng bá, giới thiệu sản phẩm an toàn.

1.3. Sở Y tế

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc kiểm tra, giám sát lưu thông, sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (salbutamol, kháng sinh, Vàng O) và phụ gia thực phẩm, phẩm màu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; thông tin về sản phẩm an toàn, cách ứng xử phù hợp đối với sản phẩm cảnh báo không an toàn; giám sát sản phẩm trên thị trường.

1.4. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mở các chuyên mục, bài viết, phóng sự tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân trong sản xuất thức ăn, kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hữu cơ, phân bón khác về mức độ nguy hại đối với người dân, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Thông tin đăng tải đầy đủ gương tốt về an toàn thực phẩm và phán các vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.

1.5. Sở Tài chính

Kiểm tra, thẩm định dự trù kinh phí do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập để thực hiện Kế hoạch này, trình UBND tỉnh phê duyệt.

1.6. Công an tỉnh Khánh Hòa

Chỉ đạo lực lượng cảnh sát môi trường, công an các đơn vị, địa phương tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, kinh doanh vận chuyển tiêu thụ thực phẩm không bảo đảm an toàn; phát hiện, triệt phá, xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu thông các loại hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng trong chăn nuôi, giết mổ, nuôi trồng thủy sản và các hành vi đưa tạp chất vào thủy sản.

1.7. Các tổ chức chính trị, xã hội (Hội nông dân, Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh)

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác tuyên truyền phổ biến về đảm bảo an toàn thực phẩm; vận động người dân tham gia phát hiện, tố giác các trường hợp sử dụng hóa chất, kháng sinh, thuốc bảo vệ thực vật cấm, giả, ngoài danh mục để xử lý kịp thời.

1.8. UBND huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo các phòng chuyên môn và UBND các xã, phường phối hợp với các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Kế hoạch triển khai Năm cao điểm thanh tra, kiểm tra vật tư nông nghiệp tại địa phương đảm bảo đúng tiến độ và hiệu quả.

2. Sơ kết, tổng kết

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá kết quả triển khai Kế hoạch; thông nhất giải pháp, biện pháp khắc phục các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện, làm cơ sở cho việc triển khai Kế hoạch trong giai đoạn tiếp theo.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh những nội dung không phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch, giao cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động báo cáo UBND tỉnh để xem xét, quyết định./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Công Thiện